TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/KDTM-ST
Ngày: 25/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Bạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2023/QĐXXST- KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-KDTM ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A, địa chỉ: Số D đường N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022), địa chỉ: Lầu H – Tòa nhà A, số D đường C, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đào Ngọc M, địa chỉ: Số A đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T1, địa chỉ: Số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Theo bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Ngọc M trình bày:***

Ngân hàng thương mại cổ phần A (Gọi tắt: Ngân hàng A) cấp tín dụng cho ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H căn cứ theo: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CDA.CN.1642.170122 ngày 17/01/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số CDA.CN.1642.170122 ngày 17/01/2022; Phụ lục hợp đồng số CDA.CN.1642.170122/PL-01 ngày 17/01/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CDA.CN.63.090715/SĐBS-01 ngày 17/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số CDA.CN.63.090715 ngày 09/07/2015. Chi tiết như sau: Hạn mức tín dụng: 9.600.000.000 đồng; Mục đích cho vay: Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn kinh doanh mua bán xe ô tô cũ đã qua sử dụng; Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng; Phương thức giải ngân: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; Thời hạn cho vay: 9 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; Lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, A đã giải ngân cho ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H bằng Khế ước nhận nợ như sau: Khế ước nhận nợ: Số CDA.CN.1642.170122/02 (Số tham chiếu: 366520659); Ngày ký & giải ngân: Ngày 09/7/2022; Số tiền giải ngân: 6.900.000.000 đồng; Phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 8858537 của ông Ngô Văn T1 tại A; Thời hạn cho vay: Từ ngày 10/7/2022 đến ngày 09/4/2023; Lãi suất: (1). Lãi suất trong hạn: 8,50 %/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất cho vay (%/năm) = LSCS +3,00%/năm (3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (4). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm; Khế ước nhận nợ: Số CDA.CN.1642.170122/03 (Số tham chiếu: 371628589); Ngày ký & giải ngân: Ngày 07/9/2022; Số tiền giải ngân: 2.000.000.000 đồng; Phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 8858537 của ông Ngô Văn T1 tại A; Thời hạn cho vay: Từ ngày 08/9/2022 đến ngày 07/6/2023; Lãi suất: (1). Lãi suất trong hạn: 8,50 %/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất cho vay (%/năm) = LSCS +3,00%/năm (3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (4). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm; Khế ước nhận nợ: Số CDA.CN.1642.170122/04 (Số tham chiếu: 375648099); Ngày ký & giải ngân: Ngày 17/10/2022; Số tiền giải ngân: 700.000.000 đồng; Phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 8858537 của ông Ngô Văn T1 tại A; Thời hạn cho vay: Từ ngày 18/10/2022 đến ngày 17/7/2023; Lãi suất: (1). Lãi suất trong hạn: 10,00 %/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất cho vay (%/năm) = LSCS +3,00%/năm (3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (4). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Bên cạnh đó, Ngân hàng A cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị H căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/03/2020; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A; Các văn bản khác của bà Nguyễn Thị H ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: 9704163101235436; ngày cấp: 03/2020; loại thẻ: Express credit; hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; hiệu lực:

12/2022; Lãi suất (trọng hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Cấp tín dụng cho ông Ngô Văn T1 căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 27/03/2020; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A; Các văn bản khác của bà Nguyễn Thị H ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: 9704163101040604; ngày cấp: 03/2020; loại thẻ: Express credit; hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; hiệu lực: 12/2022; Lãi suất (trọng hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Ngày 09/4/2023, khoản vay theo khế ước nhận nợ số CDA.CN.1642.170122/02 (Số tham chiếu: 366520659) nêu trên đáo hạn nhưng ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H không thanh toán nợ vay cho A. Do đó, tính kể từ ngày 10/4/2023, A chuyển toàn bộ dư nợ vay còn lại của Khế ước nhận nợ số CDA.CN.1642.170122/02 sang nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với A. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì:

Ngày 10/4/2023, A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của (các) Khế ước nhận nợ nêu trên. Dư nợ chưa trả:

Tính đến ngày 17/4/2023, ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H còn nợ A các khoản sau:

1. Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/02; Vốn gốc: 6.900.000.000đồng; Lãi trong hạn 258.513.699đồng; Lãi quá hạn: 28.356.164đồng; Phạt chậm trả lãi: 3.449.219đồng. Tổng cộng: 7.190.319.082đồng.

2. Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/03; Vốn gốc: 2.000.000.000đồng; Lãi trong hạn 67.917.808đồng; P1 chậm trả lãi: 805.052đồng. Tổng cộng: 2.068.722.860đồng.

3. Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/04; Vốn gốc: 700.000.000đồng; Lãi trong hạn 29.476.712đồng; P1 chậm trả lãi: 370.300đồng. Tổng cộng: 729.847.012đồng.

4. Thẻ tín dụng: 9704163101235436; Vốn gốc: 99.948.096đồng; Lãi quá hạn: 5.776.267đồng. Tổng cộng: 105.724.363đồng.

5. Thẻ tín dụng: 9704163101040604; Vốn gốc: 105.938.106đồng; Lãi quá hạn: 3.233.672đồng. Tổng cộng: 109.171.778đồng.

Tài sản bảo đảm: Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 922826 do UBND thành phố B cấp ngày 02/7/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH-010071. Tài sản thế chấp cho A căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CDA.BĐCN.19.090715 ngày 09/7/2015 được công chứng tại Phòng C tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 002638; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 09/7/2015. Cam kết thế chấp tài sản ngày 18/01/2017.

Thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 922826 do UBND thành phố B cấp ngày 02/7/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH-010071; Giấy phép xây dựng số 159/GDXD ngày 23/3/2016 do UBND Thành phố B cấp và Văn bản số 4088/UBND-QLĐT ngày 26/12/2016 của UBND Thành phố B. Tài sản thế chấp cho A căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số CDA.BĐCN.335.180117 ngày 18/01/2017 được công chứng tại Phòng C tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 00308.

Ngày 27/4/2023, Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 17/4/2023 là 10.203.785.095 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 9.805.886.202 đồng, lãi trong hạn 355.908.219 đồng, lãi quá hạn 37.366.103 đồng, phạt chậm trả lãi 4.624.570 đồng.

Ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 18/4/2023 đến ngày trả hết nợ.

Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Nếu ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 922826 do UBND Thành phố B cấp ngày 02/7/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH-010071.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 25/9/2023 là:

1. Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/02; Vốn gốc: 6.900.000.000đồng; Lãi trong hạn 258.513.699đồng; Lãi quá hạn:

599.023.973đồng; Phạt chậm trả lãi: 22.477.686đồng. Tổng cộng: 7.780.015.357đồng.

2. Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/03; Vốn gốc: 2.000.000.000đồng; Lãi trong hạn 72.712.329đồng; Lãi quá hạn: 158.219.178đồng; Phạt chậm trả lãi: 5.849.480đồng. Tổng cộng: 2.236.780.987đồng.

3. Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/04; Vốn gốc: 700.000.000đồng; Lãi trong hạn 31.221.918đồng; Lãi quá hạn: 57.591.781đồng; Phạt chậm trả lãi: 2.427.262đồng. Tổng cộng: 791.240.961đồng.

4. Thẻ tín dụng: 9704163101235436; Vốn gốc: 99.948.096đồng; L1 và phí phát sinh: 18.729.108đồng. Tổng cộng: 118.677.204đồng.

5. Thẻ tín dụng: 9704163101040604; Vốn gốc: 100.000.000đồng; L1 và phí phát sinh: 20.149.240đồng. Tổng cộng: 120.149.240đồng.

Ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 26/9/2023 đến ngày trả hết nợ.

Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Nếu ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 922826 do UBND Thành phố B cấp ngày 02/7/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH-010071.

Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng bị đơn ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- Về phần thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A là có căn cứ. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét buộc bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền gốc và toàn bộ lãi, lãi quá hạn phát sinh đến ngày trả hết nợ.

- Về chi phí tố tụng và án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do. Tại Biên bản làm việc liên quan đến xử lý nợ của bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T1; Hợp đồng cấp tín dụng số CDA.CN.1642.170122 ngày 17/01/2022; Phụ lục hợp đồng số CDA.CN.1642.170122/PL-01 ngày 17/01/2022; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A đều thể hiện địa chỉ cư trú của bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T1 tại: Số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A đề nghị Tòa án căn cứ vào địa chỉ theo Hợp đồng tín dụng và các tài liệu cấp thẻ tín dụng là số 198 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để yêu cầu giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng cho rằng hiện nay bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T1 không còn ở tại số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thay đổi nơi cư trú không thông báo cho Ngân hàng, Ngân hàng cũng không biết hiện nay bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T1 cư trú ở đâu. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A, HĐXX nhận thấy: Ngân hàng A cấp tín dụng cho ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H căn cứ theo: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CDA.CN.1642.170122 ngày 17/01/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số CDA.CN.1642.170122 ngày 17/01/2022; Phụ lục hợp đồng số CDA.CN.1642.170122/PL-01 ngày 17/01/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CDA.CN.63.090715/SĐBS-01 ngày 17/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số CDA.CN.63.090715 ngày 09/07/2015. Chi tiết như sau: Hạn mức tín dụng: 9.600.000.000 đồng; Mục đích cho vay: Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn kinh doanh mua bán xe ô tô cũ đã qua sử dụng; Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng; Phương thức giải ngân:

Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; Thời hạn cho vay: 9 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; Lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, A đã giải ngân cho ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H bằng Khế ước nhận nợ như sau: Khế ước nhận nợ: Số CDA.CN.1642.170122/02 (Số tham chiếu: 366520659); Ngày ký & giải ngân: Ngày 09/7/2022; Số tiền giải ngân: 6.900.000.000 đồng; Phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 8858537 của ông Ngô Văn T1 tại A; Thời hạn cho vay: Từ ngày 10/7/2022 đến ngày 09/4/2023; Lãi suất: (1). Lãi suất trong hạn: 8,50 %/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất cho vay (%/năm) = LSCS +3,00%/năm (3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (4). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm; Khế ước nhận nợ: Số CDA.CN.1642.170122/03 (Số tham chiếu: 371628589); Ngày ký & giải ngân: Ngày 07/9/2022; Số tiền giải ngân: 2.000.000.000 đồng; Phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 8858537 của ông Ngô Văn T1 tại A; Thời hạn cho vay: Từ ngày 08/9/2022 đến ngày 07/6/2023; Lãi suất: (1). Lãi suất trong hạn: 8,50 %/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất cho vay (%/năm) = LSCS +3,00%/năm (3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (4). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm; Khế ước nhận nợ: Số CDA.CN.1642.170122/04 (Số tham chiếu: 375648099); Ngày ký & giải ngân: Ngày 17/10/2022; Số tiền giải ngân: 700.000.000 đồng; Phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 8858537 của ông Ngô Văn T1 tại A; Thời hạn cho vay: Từ ngày 18/10/2022 đến ngày 17/7/2023; Lãi suất: (1). Lãi suất trong hạn: 10,00 %/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất cho vay (%/năm) = LSCS +3,00%/năm (3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (4). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Bên cạnh đó, Ngân hàng A cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị H căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 27/03/2020; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A; Các văn bản khác của bà Nguyễn Thị H ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: 9704163101235436; ngày cấp: 03/2020; loại thẻ: Express credit; hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; hiệu lực: 12/2022; Lãi suất (trọng hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Cấp tín dụng cho ông Ngô Văn T1 căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 27/03/2020; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A; Các văn bản khác của bà Nguyễn Thị H ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: 9704163101040604; ngày cấp: 03/2020; loại thẻ: Express credit; hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; hiệu lực: 12/2022; Lãi suất (trọng hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Ngày 09/4/2023, khoản vay theo khế ước nhận nợ số CDA.CN.1642.170122/02 (Số tham chiếu: 366520659) nêu trên đáo hạn nhưng ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng A. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng A. Như vậy, bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Quá trình thẩm định đại diện tổ dân phố nơi có tài sản bảo đảm cung cấp thông tin: Ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H từ nhiều tháng nay đã không có mặt tại địa phương, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và căn nhà tại địa chỉ số A đường N đóng cửa cuốn không thấy có người quản lý, sử dụng.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A để buộc bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T1:

Trả cho cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 25/9/2023 là:

1. Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/02; Vốn gốc: 6.900.000.000đồng; Lãi trong hạn 258.513.699đồng; Lãi quá hạn: 599.023.973đồng; Phạt chậm trả lãi: 22.477.686đồng. Tổng cộng: 7.780.015.357đồng.

2. Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/03; Vốn gốc: 2.000.000.000đồng; Lãi trong hạn 72.712.329đồng; Lãi quá hạn: 158.219.178đồng; Phạt chậm trả lãi: 5.849.480đồng. Tổng cộng: 2.236.780.987đồng.

3. Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/04; Vốn gốc: 700.000.000đồng; Lãi trong hạn 31.221.918đồng; Lãi quá hạn: 57.591.781đồng; Phạt chậm trả lãi: 2.427.262đồng. Tổng cộng: 791.240.961đồng.

4. Thẻ tín dụng: 9704163101235436; Vốn gốc: 99.948.096đồng; L1 và phí phát sinh: 18.729.108đồng. Tổng cộng: 118.677.204đồng.

5. Thẻ tín dụng: 9704163101040604; Vốn gốc: 100.000.000đồng; L1 và phí phát sinh: 20.149.240đồng. Tổng cộng: 120.149.240đồng.

Ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 26/9/2023 đến ngày trả hết nợ.

Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Trường hợp ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 922826 do UBND Thành phố B cấp ngày 02/7/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH-010071.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 2.000.000đồng chi phí thẩm định tại chỗ. Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền 2.000.000đồng chi phí thẩm định tại chỗ sau khi thu được từ ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo thỏa thuận cấp tín dụng với số tiền là: 10.808.037.305đồng = 112.000.000đồng + (0,1% x 6.808.037.305đồng) = 118.808.037đồng. Chia theo phần mỗi người phải chịu một phần hai số tiền án phí là: 118.808.037đồng : 2 = 59.404.019đồng.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm thẻ tín dụng với số tiền là: 118.677.204đồng x 5% = 5.933.860đồng.

Ông Ngô Văn T1 phải chịu án phí sơ thẩm thẻ tín dụng với số tiền là: 120.149.240đồng x 5% = 6.007.462đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 25/9/2023, cụ thể:

- Số tiền nợ gốc tại Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/02 là: 6.900.000.000đồng; Lãi trong hạn 258.513.699đồng; Lãi quá hạn: 599.023.973đồng; Phạt chậm trả lãi: 22.477.686đồng. Tổng cộng: 7.780.015.357đồng.

- Số tiền gốc: 2.000.000.000đồng tại Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/03; Lãi trong hạn 72.712.329đồng; Lãi quá hạn: 158.219.178đồng; Phạt chậm trả lãi: 5.849.480đồng. Tổng cộng: 2.236.780.987đồng.

- Số tiền nợ gốc: 700.000.000đồng tại Khế ước nhận nợ: CDA.CN.1642.170122/04; Lãi trong hạn 31.221.918đồng; Lãi quá hạn: 57.591.781đồng; Phạt chậm trả lãi: 2.427.262đồng. Tổng cộng: 791.240.961đồng.

[2] Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 25/9/2023, cụ thể:

Số tiền nợ gốc: 99.948.096đồng tại Thẻ tín dụng: 9704163101235436; Lãi và phí phát sinh: 18.729.108đồng. Tổng cộng: 118.677.204đồng.

[3] Buộc ông Ngô Văn T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 25/9/2023, cụ thể:

Số tiền nợ gốc: 100.000.000đồng tại Thẻ tín dụng: 9704163101040604; Lãi và phí phát sinh: 20.149.240đồng. Tổng cộng: 120.149.240đồng.

Ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi, chi phí phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 26/9/2023 đến ngày trả hết nợ.

Thứ tự trả nợ như sau: Vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Trường hợp ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H trả được hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A phải có trách nhiệm trả lại cho ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 922826 do UBND Thành phố B cấp ngày 02/7/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH-010071, tên người sử dụng đất ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 922826 do UBND Thành phố B cấp ngày 02/7/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH-010071. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CDA.BĐCN.19.090715 ngày 09/7/2015 được công chứng tại Phòng C tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 002638, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 09/7/2015; Cam kết thế chấp tài sản ngày 18/01/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số CDA.BĐCN.335.180117 ngày 18/01/2017 được công chứng tại Phòng C tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 00308.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn là ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 2.000.000đồng chi phí thẩm định tại chỗ. Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền 2.000.000đồng chi phí thẩm định tại chỗ sau khi thu được từ ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H.

[5] Về án phí: Bị đơn là bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 65.337.879đồng. Bị đơn là ông Ngô Văn T1 phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 65.411.481đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 59.102.000đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002685 ngày 05/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đăk Lăk.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt

tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP . BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh